

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG KHÊ
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG KHÊ, TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Xuân Minh; ông Phan Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Khuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/6/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 1024/2022/QĐST-DS ngày 14/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị G; sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm 1, xã H, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Phan H; sinh năm: 1989; địa chỉ: Xóm 7, xã H, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2022, bản tự khai ngày 03/6/2022 và tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/9/2022, nguyên đơn chị Lê Thị G trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phan H đăng ký kết hôn vào ngày 03/8/2009 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu khi mới cưới anh chị chung sống hạnh phúc, cho đến giữa năm 2013 thì bắt đầu xảy ra cãi cọ, bất đồng quan điểm sống và không còn tìm được tiếng nói chung, đến cuối năm 2013 thì anh chị sống ly thân nhau cho đến nay. Nay tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan H.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên là Phan Lê Tuyết N, sinh ngày 09/9/2010, từ trước đến nay sống cùng với chị. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh Hoàng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy chứng minh nhân dân, căn cước công dân, giấy khai sinh của con; xác nhận thông tin về nơi cư trú của anh Phan H; đơn đề nghị không tiến hành hòa giải đối thoại tại Tòa án; bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Phan H: Không có mặt theo các thông báo, không có ý kiến trình bày gửi Tòa án.

Ý kiến của cháu Phan Lê Tuyết N trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống chung cùng với mẹ là chị Lê Thị G.

Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Hoàng thông qua bà Bạch Thị N (mẹ đẻ của anh H); đồng thời, phối hợp với thôn trưởng, chính quyền địa phương làm việc với bà Bạch Thị N và gọi điện trực tiếp để thông tin cho bị đơn anh H về việc Tòa án thụ lý vụ án, thời gian mở các phiên họp nhưng anh H vẫn không phối hợp có mặt tại Tòa án.

Ngày 19/8/2022, Tòa án phối hợp với thôn trưởng, chính quyền địa phương về nhà của bị đơn anh H để tiến hành lấy lời khai nhưng bị đơn không có mặt ở nhà nên không lấy lời khai được. Đồng thời, tại buổi làm việc bà Bạch Thị N (Mẹ đẻ của anh H) cung cấp thông tin: Chị Lê Thị G và anh Phan H là vợ chồng, tự nguyện đăng ký kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Quá trình vợ chồng chị G, anh H chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị G tự ý ôm con bỏ đi và đã sống ly thân nhau từ năm 2010 cho đến nay. Bà và anh H biết việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bà cũng đã thông báo, động viên anh H về để giải quyết dứt điểm việc gia đình nhưng anh H trả lời “Chị G muốn ly hôn thì tự làm thủ tục ly hôn đơn phương, anh không có thời gian đến Tòa án làm việc”. Việc chị G làm đơn xin ly hôn anh H thì gia đình không có ý kiến gì tùy thuộc vào anh chị, tuy nhiên nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì đề nghị chị G đưa con chung tên là Phan Lê Tuyết N, sinh ngày 09/9/2010 về thăm gia đình bên nội trong các dịp nghỉ lễ, tết để cha con, bà cháu được gặp nhau.

Tại biên bản làm việc với ông Lê Đức T - Trưởng Công an xã Hòa Hải, huyện Hương Khê cung cấp thông tin: Qua kiểm tra thông tin công dân trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thể hiện: Công dân Phan H có nơi thường trú và nơi ở hiện tại tại thôn 7 Tân T, xã H, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Việc công dân rời khỏi địa phương đi làm ăn thì không thông báo với chính quyền địa

phương, không thông báo tạm vắng cũng như không có thông tin tạm trú ở nơi khác.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, kiểm sát việc tuân theo pháp luật có ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý đơn, giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn không phối hợp, không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về ý kiến giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, đối chiếu với các quy định của pháp luật có cơ sở đề nghị HĐXX: Về hôn nhân, chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của chị Lê Thị G đồng ý cho chị G ly hôn với anh H; về con chung, đề nghị giao con chung cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, chị G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con không miễn xét; về tài sản, các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Buộc nguyên đơn chị Lê Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Lê Thị G có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hương Khê giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phan H có địa chỉ cư trú tại thôn 7 T, xã H, huyện Hương Khê, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải 02 lần nhưng bị đơn anh H không có mặt, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Nguyên đơn chị Lê Thị G có đơn xin xét xử vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Phan H nhưng bị đơn 2 lần vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị G, anh H theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Phan H và chị Lê Thị G trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Hương Khê vào ngày 28/3/2018 theo Giấy đăng ký kết hôn số 17, quyển sổ 01/2009, nên xác định là

quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị G và anh H thường xuyên bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn cãi vã nhau, sự việc đã được gia đình khuyên nhủ đoàn tụ nhưng không có kết quả; từ cuối năm 2013 đến nay chị G và anh H sống ly thân nhau, cắt đứt mọi liên lạc với nhau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng cho anh H nhưng anh H không phối hợp có mặt tại Tòa án để giải quyết. Hội đồng xét xử, xét thấy hôn nhân giữa anh H và chị G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị G, đồng ý cho chị G được ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên là Phan Lê Tuyết N, sinh ngày 09/9/2010. Sau khi ly hôn, chị G có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Vì từ khi anh H chị G ly thân cho đến nay thì chị G là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, bên cạnh đó cháu Tuyết N trình bày ý kiến nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải đảm bảo tốt nhất mọi mặt về vật chất và tinh thần cho con; quá trình nuôi con chị G cho con ăn học đầy đủ, thể chất phát triển khỏe mạnh, bình thường chứng tỏ chị G có đủ khả năng để nuôi con. Vì vậy, cần giao con chung cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo sự ổn định tâm sinh lý, việc học tập, phát triển bình thường của con là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị G không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản, cũng như không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị G là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57; khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ14 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị G được ly hôn với anh Phan H.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị G được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Phan Lê Tuyết N, sinh ngày 09/9/2010 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị G không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản, cũng như không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

3. Về án phí: Chị Lê Thị G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, chị G đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0007828 ngày 03/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê, nay không phải nộp nữa.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hương Khê;
- UBND xã H;
- Chi cục THADS Hương Khê;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ +VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Trịnh Xuân Minh Phan Văn Tiến Nguyễn Thanh Tùng